

Lắm cảm về Lịch Sử,

## ***Bia Đá, Bia Miệng***

*Trần Kim Băng K20*

**T**riều đại nào rồi cũng qua đi, con người nào (dù tài giỏi đến đâu đi nữa) rồi cũng mất. Chỉ có lịch sử là không thể mất, cũng không voi đi mà ngược lại, càng ngày số bài vở bổ túc cho lịch sử càng nhiều hơn, càng phong phú hơn. Vì lịch sử có nhiệm vụ ghi chép lại những sự kiện -- ở mỗi triều đại, mỗi giờ, mỗi ngày, hàng năm, hàng thế kỷ, liên tục nối tiếp nhau -- xảy ra không ngừng nghỉ theo thời gian. Trong đó còn có cả hình ảnh, chứng tích, và di tích cần lưu lại cho hậu thế. Dĩ nhiên, muốn làm việc này một cách đứng đắn, cẩn thận, chúng ta phải nhờ đến bàn tay/ khối óc của các sử gia chuyên nghiệp, có đức tính luôn tuyệt đối trung thực trước lịch sử. Khi thực thi nhiệm vụ, sử gia không thêm, không bớt, không tùy tiện khi ghi chép, hoặc sửa đổi hình ảnh.

Một việc làm rất khó khăn, vì các sử gia, ngoài việc bị ảnh hưởng bởi chính kiến hay định kiến, tôn giáo, hay truyền thống gia đình của riêng mình, còn bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi nhà cầm quyền đương thời, đặc biệt là nhà cầm quyền ở thời quân-chủ chuyên-chê và thời Cộng-Sản là những thời mà những tâm tình, và dòng suy tư của con người thường bị cướp đoạt một cách vô tội vạ, bị vo tròn bóp méo

theo một ‘định hướng’ bất buộc, cực kỳ tàn nhẫn. Những sử gia trong các chế độ này muốn trung thực với chính mình cũng đã khó, chứ đừng nói là phải trung thực trước lịch sử.

Nhà viết sử nổi tiếng vào thời vua Hán Vũ Đế của nước Tàu là ông Tư Mã Thiên (145-86 trước Công Nguyên) được người đời hết sức ca tụng về đức tính khảng khái và trung thực. Lịch sử nước Tàu đã ghi lại, trong một trận đánh giữa quan quân nhà vua với rợ Hung Nô, vào thời đó có 2 vị tướng được đề cử cùng cầm quân ra trận, có tên là Lý Lăng và Lý Quảng Lợi. Không may trong trận đánh này cả 2 ông đều bị thua trận. Khi phân tích nguyên nhân, thì phần đông các quan cận thần và nhà Vua đều đổ lỗi cho tướng Lý Lăng; chỉ riêng ông Tư Mã Thiên đổ lỗi cho tướng Lý Quảng Lợi và bênh vực cho Lý Lăng.

Vì Lý Quảng Lợi là anh vợ của vua Hán cho nên sử gia họ Tư đã bị gán vào tội ‘khi quân’. Kết quả, ông đã bị kết án ‘lãng trí’ là tội tử hình, rồi sau đó được đổi thành tội ‘thiến’. Tuy không bị chết, nhưng bị ‘thiến’ là một hình phạt dã man và nhục nhã nhất vào thời đó, vì người đàn ông không còn khả năng sinh con đẻ cái để nối dõi, một tội rất nặng đối với tông đường của dòng họ mình. Nhưng thà là bị hành hình như thế chứ Tư Mã Thiên nhất định không thể nói sai sự thật.

Sự kiện này cho thấy, quan điểm của số đông người (tức đa số) trong nghị viện ở vào giai đoạn lịch sử nào đó chưa chắc đã là chân lý! Trong xã hội Cộng Sản, các ứng cử viên được ‘đăng cử dân bầu’ rồi được tuyên chọn trong các cuộc bầu cử, được gọi là ‘dân chủ’, giới bình dân gọi là ‘cà chớn’. Họ thường đạt tỷ lệ 99% phiếu bầu cũng là một kết quả bất khả tín, có cùng một ý nghĩa xấu tương tự: *quyền lực trong chế độ độc tài đồng nghĩa với chân lý!*

\* \* \*

Nhìn lại cuốn ‘Lịch Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam’ được ra đời lúc gần đây đã phần nào chứng minh cho những

khó khăn của các nhà viết sử vừa nêu trên. Trước khi và ngay cả sau khi phát hành cuốn sách này, những khó khăn về sự thống nhất phần nội dung của cuốn sách đã là nguyên nhân của sự chia rẽ trầm trọng giữa các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan xuất thân từ cùng một quân trường. Những định kiến của từng cá nhân hoặc của từng nhóm không thể nào phá bỏ được, nếu họ không tự nguyện cùng tôn trọng một quy tắc làm việc chung. Chúng ta không có một phương hướng nào khả dĩ hóa giải được những bất đồng trước và sau khi sự kiện xảy ra; từ đó, đã làm xấu đi bộ mặt truyền thống lâu đời. Thật đáng tiếc!

Trường Võ Bị tọa lạc trên đồi 1515 ở Đà-Lạt là phần hình thức, nay đã bị dịch xóa bỏ. Còn cuốn sách ‘Lịch Sử Trường Võ Bị’ là phần nội dung, trong đó châm ngôn **“Tự Thắng Để Chỉ Huy”** mới thật sự có ý nghĩa, xứng đáng là tấm bia đá truyền tải cho thế hệ mai sau, và cũng là châm ngôn đáng ghi nhớ dành cho những ai muốn chỉ huy người khác. Vấn đề chính cần quan tâm ở đây, trước hết vẫn là vấn đề **‘tự thắng’**, các đề m ụ c khác chỉ là phụ.



Ngược về thời tiền sử, con người còn ‘ăn lông ở lỗ’, chưa có phương tiện ghi chép, vả lại cũng chưa có khái niệm về lịch sử; cho nên khi cần phải giữ lại điều gì quan trọng, người ta thường truyền miệng, từ miệng người này sang miệng người kia liên tục từ đời này sang đời khác, để nói cho nhau nghe, hiểu, và để cho mọi người cùng biết những gì thiết thực trong cuộc sống cần ghi nhớ, cần giữ lại, được gọi là ‘bia miệng’.

Dần dần, con người tiến đến việc sử dụng ‘bia đá’ để ghi nhớ những điều cần nhớ. Các quan chức nổi tiếng về tài, đức, được ghi tạc tên tuổi vào đá để hậu thế tôn thờ hoặc để ghi ơn công đức. Ngay cả những người một thời ‘lều chõng’ lên đường đến

kinh đô để tham dự kỳ thi tranh giải ‘trạng nguyên’; nếu vượt qua kỳ thi, thì cũng được ghi tên vào ‘bảng vàng bia đá’.

Thế nhưng có một điều gì đó khá đặc biệt, cho nên sau nhiều biến chuyển của lịch sử, trong dân gian ở nước ta mới có câu:

*“Trăm năm **bia đá** thì mòn,  
Ngàn năm **bia miệng** vẫn còn trơ trơ.”*

Nghĩa là ‘bia miệng’ có phần còn nặng ký hơn cả ‘bia đá’ gấp 10 lần.

Rồi sau đó, có lẽ tiền nhân ta muốn khuyên răn người đời muốn làm việc gì đó khó khăn mà muốn thành công thì trước hết phải rèn luyện đức tính kiên nhẫn, nên mới có câu ‘*nước chảy đá mòn*’ (tương tự như ‘*có công mài sắt có ngày nên kim*’) nhưng đồng thời cũng có nghĩa đen ngụ ý, ngay cả ‘bia đá’ cũng có thể bị nước làm xói mòn và mất đi; chứ ‘bia miệng’ là do miệng lưỡi con người tạo ra, rồi truyền tải cho nhau, thì không có cách gì làm mòn được, và nó sẽ còn mãi mãi.

Đúng vậy, miệng lưỡi con người là do Tạo Hóa sinh ra, ngay từ lúc bẩm sinh đã có một tố chất rất đặc biệt, không ai giống ai, cho nên một lời nói phát ra từ cửa miệng của một con người, vừa có lợi, và cũng có thể vừa có hại cho chính mình và cho người khác. ‘Cái lưỡi không xương’ nên có thể nắn nót theo kiểu nào cũng được. Vì thế mà lời nói rất lợi/ hại có thể làm thay đổi quan điểm của người khác. Lời nói tốt có thể làm cho gia đình hạnh phúc. Lời nói xấu có thể khiến gia đình tan nát. Tiếng lành đồn xa và tiếng dữ cũng đồn xa; hoặc:

*“Lời nói không mất tiền mua,  
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau...”*;

đi đôi với lời khuyên:

*“Phải uốn lưỡi 7 lần trước khi nói.”*

Tôi còn nhớ thời gian trong trại tù “cải tạo”, vào cuối năm 1979. Có một lần sau một ngày lao động vất vả -- phá rừng

ở vùng Tổng Lê Chân, làm trại tù tự nhốt mình, và cuộc đất trồng rau xanh rất cực nhọc -- người tù phải tập hợp lại để nghe cán bộ quản giáo phê phán, và hẳn ta tuyên bố:

- *“Tuyệt đại đa số nà các anh có tinh thần nao động tích cực, rất đáng khen nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số chưa tốt, số đó không phải nà ít.”*

Một anh bạn cùng ở tù với tôi, ngay sau khi tan hàng, đã hỏi tôi:

- “Mày có hiểu gì không?”

Tôi mỉm cười và lắc đầu để đáp lễ anh. Anh bạn tôi cũng mỉm cười theo.

Một chuyện khác, mới đây: Ngày 15 tháng 11 vừa qua, trong buổi Impeachment lần thứ hai (lần thứ nhất xảy ra vào ngày 13) dành cho Tổng Thống Trump ở Capitol Hill; ông Adam Schiff của đảng Dân Chủ, Chủ Tịch Ủy Ban Tình Báo Hạ Viện chủ trì việc Impeach, đã 6 lần dùng chiếc *“búa KGB”* (đã một thời được sử dụng thuần thực ở Liên-Bang Sô-Viết), đập xuống bàn để cắt đứt lời nói của các dân biểu Cộng Hòa, mà có lẽ theo ông đoán nhận thì đối phương sắp phóng ra một lời nói có tác dụng sắc bén hơn lưỡi dao, sẽ đè bẹp tiếng nói của ông, làm ông mất mặt, cần phải ngăn lại ngay.

Lúc đó tôi ngồi trước màn hình TV, thấy ngỡ ngàng! Quái thật! Tôi tự hỏi: Tự Do, Dân Chủ được thể hiện ở ngay điện Capitol Hill dưới sự lãnh đạo của bà chủ tịch Hạ Viện Pelosi, sao mà lạ đời thế!? Tôi bèn liên tưởng đến trại tù *”cải tạo”* của VC dành cho các sĩ quan *“ngụy”* trốn trại sau 30.4.1975: *tù nhân bị nhận bản án (bị nhốt vào container hoặc bị bắn), trước khi xử án!*

\* \* \*

Một lần lang thang trên ‘net’, nhiều tin tức cho biết, bia đá -- dấu mốc đầu tiên ở cổng Nam Quan phía Bắc Việt Nam đánh dấu việc phân định ranh giới giữa nước Ta và nước Tàu

-- tôi không biết chính xác là đã được tổ tiên ta xây dựng từ đời nào, mà nay đã mất. Thật đáng buồn! Nhưng rồi tôi lại tự an ủi, ‘bia đá’ mất nhưng ‘bia miệng’ vẫn còn: “*Nước Việt Nam ta từ Á Nam Quan đến Mũi Cà Mau*” tôi được học từ ngày mẹ dắt tay đến trường, đến nay vẫn còn nguyên vẹn, không thể mất.

Bài ca từ thời tôi học lớp ba ở trường làng, thời mà cô/ thầy giáo được kính trọng như ông bà, cha mẹ. Và tôi đã được nghe cô giáo hát rồi cô bắt học trò cùng hát theo từng câu, từng chữ, không cần phải ghi chép:

*“Nhà Việt Nam, Nam Bắc Trung sáng trời Á Đông,  
Bốn ngàn năm văn hóa đã đắp xây bao kỳ công,  
Người Việt Nam cân quốc bao anh hùng,  
Từng phen mức danh khấp trời Á Đông, ...”*

Đến nay đã hơn 70 năm tôi vẫn còn nhớ được 4 câu đầu của bài ca. Mặc dầu ở tuổi măng non không hề biết xuất sứ, cũng không hiểu được ý nghĩa của bài ca này; chỉ biết hát theo lời cô giáo như con vẹt học nói. Nhưng đến khi lớn lên, tìm hiểu, tôi mới nhận thức được tạm đủ về ý nghĩa của bài ca, và biết được tác giả là nhạc sĩ Thẩm Oánh. Tôi nghĩ, ‘đây cũng là một thứ bia miệng’. Một số bạn cùng sống tuổi măng non thời Pháp thuộc trước 1954 ở miền Bắc, cùng lớp với tôi đều có những nét đồng dạng: ‘bia miệng’ cũng quan trọng không kém gì ‘bia đá’, thậm chí còn có thể quan trọng hơn nhiều, vì lời nói hôm nay có thể rất khác với lời nói ngày mai mặc dầu cùng xuất phát từ một cửa miệng, về cùng một vấn đề.

Đứng về phía tôn giáo, nếu ‘bia miệng’ được sử dụng cho việc truyền tải những điều hay lẽ phải thì rất tốt, nhưng nếu nó biến thành ‘khẩu nghiệp’ thì đây là một điều cần phải xa lánh. Còn nếu đứng về phía các chính trị gia thì dù là ‘khẩu nghiệp’ cũng không đáng quan tâm, vì quyền lợi trên hết, quyền lợi cá nhân hay đất nước cũng vậy! Vấn đề còn lại là tùy thuộc vào sự lựa chọn của mỗi người, muốn đứng về phía nào, tùy thích.

Cũng lạ thật! Nếu nói về thời gian, đem so sánh chiều dài của Lịch Sử đã có từ hàng ngàn năm trước với chiều dài của một đời người, thì thật sự đời của một con người không đáng kể. Thế nhưng con người lại đóng vai chủ động trong việc hình thành Lịch Sử. Vậy thì con người có nên tin vào Lịch Sử không?

- Xin thưa là còn phải tùy thuộc vào người viết lịch sử và người đọc lịch sử, không thể xác định ngay được là ‘có’ hay ‘không’. Con người không thể tồn tại cùng với chiều dài của lịch sử để thực hiện mong ước của mình. Vì con người bị giới hạn về thời gian, còn lịch sử thì vô tận, cho nên, mỗi lần ‘lịch sử sang trang’ là một lần người đọc nghi ngờ về lịch sử. Người đọc sẽ tự hỏi, *‘những gì vừa được ghi lại ở đây liệu có đáng tin cậy không?’* Đó chính là điều mà người đọc cần phải suy nghĩ trước một sự kiện lịch sử được sử gia ghi chép lại, cho dù là mới đây hay trước kia. Ví dụ: Chắc chắn chẳng ai tin vào lịch sử do đảng viên Cộng Sản ghi chép, ngoại trừ những người thân của họ và những bạn trẻ sinh sau để muộ̣n trong xã hội Cộng Sản.

Lịch sử viết về cuộc chiến tranh Việt-Nam kể từ 1945 đến nay do các sử gia tả phái người Mỹ ghi chép, họ vo tròn bóp méo theo ý mình, rồi được giảng dạy ở các trường đại học vẫn còn là vấn đề tranh cãi, sẽ chẳng bao giờ đi đến kết luận. Tuy vậy nó vẫn được truyền bá không cần biết đúng/ sai. Và thực tế đã cho thấy, những cuộc biểu tình ‘phản chiến’ -- trước đây, hoặc ngay bây giờ cũng vậy -- của các sinh viên được bắt nguồn từ những sai lầm nghiêm trọng của lịch sử. Và lịch sử, như thế, trong hoàn cảnh đó đã không còn mang tính thuần túy, nó đã biến thành phương tiện tuyên truyền (!) cho dù là vô tình, hay cố ý.

Nếu đem một sự kiện lịch sử ra chứng minh về điều mình muốn nói trong lúc sôi máu tranh luận, đôi khi càng làm cho lịch sử trở nên rối ren hơn. Nhưng chắc chắn trong số những rối ren đó phải có một sự thật hiện hữu đã chìm sâu trong dĩ

vãng hàng chục năm, có khi hàng trăm năm, hoặc sâu hơn. Vậy thì ai là người có khả năng khám phá ra sự thật đó và thuyết phục được số đông. Một điều không dễ làm! Lúc ấy phải cần đến ‘miệng lưỡi’ của những người vừa có tài thuyết phục, vừa hiểu biết sâu rộng về khoa học biện chứng, và các phương pháp thường dùng trong sử học, như: loại suy, đối chiếu, v.v..., mang tính rất chuyên môn của các sử gia chân chính, mới có thể giúp người khác nhận biết về sự thật lịch sử.

Trước đây, khi còn trẻ chúng ta là những chiến sĩ cầm súng ngoài chiến trường, tuy biết rõ một số sự thật nhưng không có khả năng và cơ hội nghiên cứu, cũng như trình bày quan điểm của mình trước công chúng. Bây giờ, chúng ta là những người thua trận, đã mất tất cả!

Thế rồi thời gian qua nhanh, những bé tấc càng ngày càng nói rộng hơn trong đời sống, vì tuổi già mau đến, vì trí nhớ bị lão hóa trầm trọng; ‘lực bất tòng tâm’, cho nên phải nhờ đến bàn tay/ khối óc của các bạn trẻ, những người Mỹ gốc Việt đầy năng lực và đầy nhiệt huyết tiếp sức.

Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là thắng, thua mà là **sự thật**. Chúng ta đang sống trong xã hội văn minh có nền Tư Pháp đứng đắn thì cho dù *sự thật* có bị che đậy, lấp liếm bao lâu đi nữa, người ta vẫn có hy vọng tìm lại được; chỉ tiếc là quá trễ!

22.11.2019





## Mấy Độ Hoa Vàng

Phan Anh Tuấn, K26

Khi nghe nhạc nói về mùa Xuân, người ta thường nghĩ ngay đến nhạc phẩm “Ly Rượu Mừng” với lời hát “Ngày Xuân nâng chén ta chúc nơi nơi...”

Nhưng từ lúc vào Lính, tôi nghe câu hát “Cứ mỗi lần hoa mai vàng trước ngõ...”, của nhạc phẩm Đan Áo Mùa Xuân, do ca sĩ Kim Loan trình bày, tôi thấy lòng nao nao vì đã biết mùa Xuân lại đến. Tôi còn nhớ cứ mỗi lần chiều 30 Tết khi còn bé, đám nhỏ chúng tôi cùng họ hàng sum họp ở nhà ông bà ngoại để cúng tổ tiên. Sau đó, chúng tôi xếp hàng chúc Tết ông bà và được nhận những tờ giấy bạc tiền lì xì mới cầu cạnh và thơm phưng phức. Sau đó là bữa tiệc gia đình với bánh chưng, bánh tét, thịt kho... Đối với bọn trẻ nhỏ như tôi thì thật quá vui. Khi bắt đầu lớn, tôi đã có cảm giác như hương vị và không khí rộn ràng của những ngày Tết thật sự bắt đầu vào những ngày trước Tết một tuần.

Thời gian qua đi, học xong trường Tiểu Học Nguyễn Tri Phương, tôi thi vào trường Trung Học Chu văn An. May mắn tôi đã đậu. Cũng thật kỳ lạ vì hằng Nam Kỳ lọt vào trường dân Bắc Kỳ. Ba tôi dân Huế, mẹ dân Bạc Liêu, còn tôi dân Sài Gòn, nay tôi học trường Bắc. Đúng là thống nhất Bắc Trung Nam.

Đối với mọi người thì thời học sinh là đẹp nhất. Cứ mỗi độ Xuân về, học sinh các trường trung học, nhất là đối với học sinh lớp Đệ Nhất (lớp 12) có thói quen từ trường này qua trường nọ để bán báo Xuân. Bán được bao nhiêu báo không biết, nhưng ra về các nam học sinh đã để lại bao lưu luyến bên trường nữ. Mỗi lần Tết đến, chúng tôi có dịp mời các bạn nữ sinh Gia Long, Trưng Vương, Lê văn Duyệt, Nguyễn Bá Tòng qua tham dự tiệc Tất Niên. Thật là vui!

Lúc học Đệ Tam (Lớp 10), tôi có những ước mơ ngộ nghĩnh và ngây thơ. Sinh ngữ chính của tôi là Anh văn. Quyển “Pratice Your English” là quyển sách mà tôi đang học. Khi xem đến một bài có hình ảnh của thành phố Miami xinh đẹp, tôi đã ước mơ có một ngày sẽ đến Miami. Khi cùng với các bạn trong lớp đi xem phim “Green Beret” do tài tử John Wayne đóng, tôi lại mơ một ngày nào đó mình sẽ trở thành anh hùng “Mũ Nồi Xanh”.

Vào khoảng Tết Mậu Thân 1968, gia đình chúng tôi ở khu Toà Bó, Chợ Lớn, nằm kế bên tư dinh của Đại Tướng Cao văn Viên. Mỗi lần ông về nhà là ai cũng biết, vì ông đi bằng trực thăng. Khi máy bay của ông đáp trên sân thượng, tiếng kêu của cánh quạt nghe âm âm. Ba tôi là Đại Úy Cục Công Binh. Sáng mừng một Tết ba tôi đi trực đêm chưa về, trong khi mấy anh em của tôi đang xúm xít đồ cờ cá ngựa, thì bà hàng xóm hoảng hốt chạy vào báo tin:

- ”Tụi nó tới, tụi nó tới...”

- “Tụi nào, thím Năm?”

- “Việt Cộng, Việt Cộng!”

Tất cả đều xanh mặt, không ai nhúc nhích nổi. Mẹ tôi lạnh hơn, bước lại vách tường gỡ hình ba với ba đóa bông mai, nhét vội dưới ghế sa lông...

Sau đó, một nhóm người mặc thường phục và quân phục quân đội, cùng ông trưởng khóm đi theo, tự giới thiệu:

- “Chúng tôi là An Ninh Quân Đội, đóng ở cạnh xóm, vì tình hình an ninh nên đi kiểm tra. Bà con thấy có người lạ vào xóm mình thì báo cho tụi tôi hoặc ông trưởng khóm biết”

Thiệt tình, thím Năm nhanh nhẩu đoảng làm cả nhà xanh mặt.

Hôm sau, các An Ninh Quân Đội qua đóng bên xóm của chúng tôi. Tôi quen với những người lính Cộng Hoà từ đó. Vào những phiên gác của các anh, nếu trời còn sớm vẫn có những thanh thiếu niên như tôi ngồi kể bên để nghe các anh kể chuyện lính. Được biết ba tôi là đại úy nên các anh cũng dành nhiều tình cảm, thậm chí trong mấy lần thực tập báo động, các anh còn cho vác giùm thùng đại liên cho các anh.

\* \* \*

Qua Tết Mậu Thân, tôi thi đậu Tú Tài 2 và đã ghi danh vào Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Sau một cuộc thi tuyển tôi đã được gia nhập Khoa 26.

Tôi vẫn còn nhớ những ngày đầu của thời Tân Khoa Sinh mà dân Alpha đỏ nào cũng phải trải qua. Tám tuần huấn nhục để chúng tôi trở thành một SVSQ. Thời gian huấn luyện rất khắc nghiệt, gian truân, và đau khổ. Chúng tôi mất khái niệm về thời gian.

Tôi không biết là mấy giờ sáng, chỉ nghe tiếng kèn lanh lạnh đánh thức, và không hiểu các hung thần khoá huấn luyện thức dậy từ hồi nào mà đã đá cửa phòng kêu chúng tôi thức dậy. Một ngày dử dần như mọi ngày. Cứ thế những hình phạt, những la hét kéo dài suốt ngày cho đến lúc đêm xuống. Chúng tôi lịm nhanh vào giấc ngủ khi được trở lại phòng. Khóa 26 Tân Khoa Sinh chỉ biết là mùa Xuân đã đến khi SVSQ Cán Bộ Đại Đội Trưởng thông báo:

- “Hôm nay là Tết, các anh được thoải mái một ngày.”

Tôi đoán mọi người chỉ dám nghĩ trong đầu chứ chẳng ai dám phát biểu.

- “Thiệt không đó Cán Bộ, hay là giống “đi phố đêm” hôm trước.”

*(Mùa huấn luyện Tân Khóa Sinh được chia ra làm 2 đợt. Trong mỗi đợt, các TKS sẽ có dịp “đi phố đêm”. Thường thì vào ngày cuối tuần vào cuối mỗi đợt huấn luyện, Tiểu Đoàn Tân Khóa Sinh phải thi hành các lệnh phạt liên tục của 8 cán bộ đại đội trưởng, kéo dài khoảng 4 giờ, trước khi được trình diện sinh viên cán bộ tiểu đoàn trưởng Tân Khóa Sinh. Gần vào cuối giờ phạt, các TKS được lệnh chạy tấn công Đồi Bắc (1578 m) cùng với súng cá nhân. Đồi này nằm bên phải và*



**Một lần hội ngộ. (Tác giả đứng thứ tư, từ phải.)**

*phía trước cổng chính (có cao độ 1515 m).*

*Cuối cùng, khi cả tiểu đoàn Tân Khóa Sinh, sau thi hành lệnh phạt, tập hợp đông đủ trên Đồi Bắc, lúc trời bắt đầu chập choạng tối, thì một cán bộ đại đội trưởng cho họ có “5 phút đi phố đêm”. Dưới bóng đêm của núi rừng Đà Lạt nhiều sương mù và lạnh giá, các TKS được nhìn thành phố dưới ánh đèn đường lung linh, nằm cách xa 5 km. Với các TKS sinh sống ngoài thành phố Đà Lạt thì đây là lần đầu tiên họ thấy thành*

*phố này. Chỉ có thể! Một kỷ niệm không thể nào quên đối với những ai đã trải qua một giai đoạn huấn luyện vô cùng cam go này. Sau đó 5 phút, lệnh phạt lại tiếp tục.)*

Đúng là mùa Xuân trong thời TKS. Trong mấy ngày này, các cán bộ Tân Khóa Sinh đã không phạt chúng tôi, mà chỉ ra lệnh khiêng những cây thông từ chân đồi lên đỉnh đồi để trang trí Vườn Con Thỏ (được SVSQ tự xây dựng, nằm bên trái công chính). Mỗi cây thông dài mười thước, đường kính một người ôm. Sau đó, chúng tôi được về doanh trại và được phát bánh kẹo.

Rồi hết Đợt 1 đến Đợt 2 TKS, thời gian huấn luyện trôi qua. Đêm gần Alpha để lại kỷ niệm khó quên cho những TKS K26. Chiều tối hôm đó, chúng tôi được Khoá 23 trao cho nón, găng tay, thắt lưng truyền thống tại phòng. Với quân phục đại lễ mùa Đông, chúng tôi quỳ xuống tại Vũ Đình Trường để nhận cấp Alpha đỏ năm thứ nhất.

\* \* \*

Sáng hôm sau, mùa Xuân như đến với Xứ Anh Đào. Alpha mới đỏ rực xứ sương mù. Những thiếu nữ má đỏ môi hồng Đà Lạt e thẹn liếc nhìn những SVSQ vừa được trao Alpha tối hôm qua, dạo qua phố, trông giống những robot, đi đứng cứng ngắt đều bước trên phố Hoà Bình, Đà Lạt.

Một năm SVSQ được đi phép một lần, cỡ 2 tuần. Ngày nghỉ phép của chúng tôi thường không trùng dịp Tết. Nhưng cứ mỗi lần tôi được đi phép, niềm vui trong lòng nở rộ như đang ở mùa Xuân.

Mỗi lần về thăm nhà, tôi rất hãnh diện trong quân phục dạo phố mùa Hè, dù trời Sài Gòn không mát tí nào, hãnh diện với mấy đứa bạn sinh viên, và hãnh diện với mấy cô bé hàng xóm. Ôi, những mùa Xuân của thời vàng son!

Và rồi bốn năm cũng qua đi. Ngoại trừ các bạn đã chọn Hải Quân hay Không Quân vào mùa Quân Sự năm thứ ba; khi ra trường, các bạn thuộc Lục Quân thường thường mê các binh

chúng tổng trừ bị như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến... Tôi chọn “Mũ Nồi Xanh” thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù”.

\* \* \*

- “Quý xuống, SVSQ!”

Và,

- “Đứng lên, Tân Sĩ Quan!”

Mùa Xuân lần nữa đến với xứ Hoa Anh Đào với những đóa hoa mai vàng lóng lánh trên cầu vai quân phục dạo phố mùa Đông, hay trên cổ áo của anh thiếu úy trẻ, với màu áo hoa rừng mới toanh.

Khi về Sài Gòn để hưởng 10 ngày phép trước khi trình diện đơn vị, ba tôi, nay là Thiếu Tá Cục Công Binh, đã hỏi khi thấy tôi về mặc đồ rằn ri:

- “Con chọn đơn vị gì vậy?”

- “Dạ, Liên Đoàn 81 BCND”

- “Con có biết đơn vị đó hoạt động sao không?”

Tôi chế một cách nhanh chóng, cho Ba mẹ bớt lo lắng:

- “À đơn vị đó nhảy vào rừng để đo đạc bản đồ đó mà (làm như Nha Địa Dư).

- “Ba nói cho con biết. Ba xây dựng hậu cứ cho Liên Đoàn 81, ở ngã tư An Sương. Ba biết rành liên đoàn này. Đó là đơn vị chiến đấu dữ dằn nhất, nổi tiếng trong trận An Lộc. Thôi cầu Trời Phật phù hộ cho con.”

Khoá 26 có hai chàng về Liên Đoàn 81, trong đó Thiếu Úy Ngọc về Đại Đội 4, tôi về Đại Đội 3. Chúng tôi đã tham dự các chiến dịch Lôi Vũ của Liên Đoàn, quá quen thuộc các địa danh như chiến khu Mây Tào, Hắc Dịch, Chiến khu D... Lúc này tôi lại cảm thấy thán thía hơn bao giờ khi nghe “Cứ mỗi lần hoa mai vàng trước ngõ, là lang thang chim én mang sầu về cuối trời....”

Mùa Xuân 1975 sau khi nhận được một đôn bánh tét và mấy gói thuốc Lucky, do cô em gái hậu phương ở Biên Hùng (Biên Hoà) gửi trong lần trực thăng tái tiếp tế cho Toán đang nhảy ở Bắc Tân Uyên, là hôm sau tôi dẫn Toán chạy không kịp thở vì ”tao ngộ chiến” trên con đường mòn, mà chúng tôi đang băng qua. Địch đã nghe tiếng phi cơ trực thăng tiếp tế nên đã âm thầm theo dõi...



***Một đơn vị thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đang chuẩn bị bay vào mặt trận thuộc thành phố Phước Bình, ngày 6 tháng Giêng...***

Thường khi gặp đường mòn thì hai người bố trí quan sát hai đầu và lần lượt băng qua. Lần này thì cũng vậy, Binh Nhất Bé băng qua. Tôi thứ hai vừa băng qua theo thì bỗng tôi nghe lao xao đầu đường phía bên trái và một tràng M16 sau lưng. Tôi quay lại thì thấy Hạ Sĩ Thu đang xả súng vào mấy bóng người, đang nhảy vội vào bụi lùm hai bên. Tôi bật vị thế auto của cây M16 cứ thế mà xiết, trong khi mấy anh chàng của Toán đã lên hết con đường mòn xả thêm hàng tràng M16. Tiếng khẩu M79 mà Hạ Sĩ Rô bóp cò đạn chài nghe điếc tai. Giờ tôi mới nghe tiếng AK chát chúa, dữ dội. Tôi thấy không xong rồi, vì bên nó đông quá. Tôi hô to “tấn công” và phát tay ra dấu rút chạy theo



hướng Bình Nhất Bé vừa chạy. Tôi quăng lại một trái khói màu cầu may, trước là che cho mình vọt, sau là hù địch tưởng ra dấu cho phi cơ oanh kích nên chần chừ do dự.

Thấy quân số mình đầy đủ, tôi ra lệnh chạy càng nhanh càng tốt. Địch đang bao vây và truy tìm tiêu diệt Toán. Tiếng súng lời dần, có lẽ vì mấy loạt đạn M16 trúng mấy con nham. Trờì về chiều, Toán liên tục thay đổi hướng để cầu mong trời tối che chở cho Toán. Trờì tối hẳn. Chúng tôi tiếp tục đi nữa, càng xa cái bẫy càng tốt, tự thoát hiểm. Đêm hôm đó Toán thức trắng đêm với tiếng súng báo động của địch văng vẳng thật gần. Sáng sớm hôm sau, tôi báo khẩn cấp cho BCH, rồi ra lệnh cho Toán chạy sang các trảng khác, vì Bộ Chỉ Huy nghi ngờ địch còn bám theo. Chiều hôm đó, cả Toán trở về bình an, sau khi 2 chiếc gunship (trực thăng vũ trang) xả hết hoả lực bắn chặn địch ở bãi bốc triệt xuất Toán.

Sau đó, Liên Đoàn 81 BCND hành quân lên Tây Ninh để thả các Toán thám sát biên giới Việt Miên và chiếm giữ lại núi Bà Đen. Sau hơn một tháng hành quân, Quân Đoàn III đánh giá VC không tập trung mũi tiến công chính từ biên giới Tây Ninh, vì thế Liên Đoàn 81 rút về Biên Hoà. Biệt Đội 813 được để lại Tây Ninh.

Sau ngày sập trời 30/4/1975, ba tôi vào trại tù, tôi vào trại tù, em rể là bạn đồng khoá NT Vân vào trại tù. Cậu em rể út tương lai Đỗ Trọng Đạt, K29 cũng theo bước cha anh vào tù. Tất cả tinh hoa của miền Nam được gom vào trại tù của Cộng Sản.

Những mùa Xuân trong thời gian này giống như trong cơn mê muội. Ngày Tết có khác chẳng ngày thường, là được phát thêm một cái bánh chưng cỡ nửa viên gạch, hai lát thịt trâu già bằng hai ngón tay.

Có những bạn tù mình ngon lành lắm. Trưởng trại VC hứng lên cho hát nhạc vàng nhân ngày Tết. Một anh chơi liền bài hát “Xuân này con không về”. Tới câu “....bao lớp trai hùng cùng



chung chiến trường, không lẽ riêng mình êm ấm..”, anh ta sửa lại: “.....bao lớp trai hùng cùng chung cải tạo.....”

Dĩ nhiên bài hát được ngưng lại. Hôm sau hết Tết, anh được mời lên “làm việc”.

Trong thời gian này, khi trong lao động tù đầy, họa hoằn lắm tôi mới thấy một chiếc phi cơ bay ngang trên trời cao. Ước mơ gì mình được ở trên chiếc phi cơ ấy bay đến bến bờ Tự Do!

Tôi, vợ và cô con gái 6 tuổi qua Hoa Kỳ vào cuối tháng Mười, 1993.

Trời tiểu bang Utah vào cuối mùa Thu, lá vàng bay bay đầy sân. Đứa bé hân hoan ôm bịch kẹo sau lễ hội Halloween. Chỉ vài tuần sau, khi tôi thức dậy bên kia khung cửa sổ, tuyết đã phủ trắng xoá, đẹp như trong phim.

Giờ đây tóc tôi đã bạc. Người vợ trẻ năm xưa nay có nhiều nếp nhăn nơi khoé mắt, nhưng đứa bé 6 tuổi ngày xưa đã thành tài, thành nhân.

Cảm tạ Ông Trên, mùa Xuân nay đã trở về.

*Một thời để nhớ*

*Florida  
BCD 813*

# HỘI VÕ BỊ WASHINGTON TỔ CHỨC PICNIC, HÈ 2019.



*Họp mặt Hè tại Seattle, Washington*





*Một kỷ niệm đáng nhớ.*



*Họp mặt Hè tại Seattle, Washington*



*Một lần họp mặt, một ảnh kỷ niệm.*



*Lưu luyến trước lúc chia tay.*



# **Nữ Nhi Điêu Tàn Theo Mệnh Nước, Lê Thị Đàn...!!**

*Nguyễn Minh Thanh, K22 biên soạn*



## **Ấu Triệu Lê Thị Đàn**

*Quốc dân nô lệ xé lòng đau  
Nhi nữ chen vai chẳng khác nào...  
Giọng yếm kiên trung... môi phượng vĩ  
Nét Xuân dững cảm... má anh đào  
Trắng dây một dải... theo người trước...!!  
Đỏ máu mấy dòng... chạnh kẻ sau...!!  
Hậu duệ Trinh Nương gương nguyệt rạng  
Quần thoa lấm liệt... sánh anh hào...*

*Nguyễn Minh Thanh cẩn tác*

### **1 - Lược Sử Bà Ấu Triệu Lê Thị Đàn:**

**Ấ**u Triệu (? - 1910) tên thật Lê Thị Đàn, là một anh thư trong Duy Tân Hội và Phong Trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu.

Vì nhiệm vụ bí mật, ít ai biết về Bà. Song, trong tác phẩm “Việt Nam Nghĩa Liệt Sĩ” cụ Phan Bội Châu có kể lại việc làm của Bà nên đời sau mới biết và lưu truyền.

Với lại, vào năm 1926, khi cụ Phan bị giặc Pháp an trí ở Bến Ngự (Huế), năm 1927, Cụ đã lập ngôi miếu nhỏ trong góc khu vườn, biển đề “Ấu Triệu Bi Đình” cạnh miếu có tấm

bia khắc sơ lược truyền về Bà Âu Triệu. Tại đây, Cụ làm nơi hương khói tưởng niệm vị nữ nhi anh kiệt.

Âu Triệu Lê Thị Đàm, người làng Thế Lại Thượng, nay thuộc xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế. Sinh trưởng trong gia đình Nho Giáo, được đi học, Bà nổi tiếng là người nét na đức hạnh, có biệt tài văn thơ...

Vào tuổi trưởng thành, gia đình Bà lâm cảnh ngặt nghèo: mẹ mất sớm, các em còn nhỏ dại, cha bị giặc Pháp bắt giam, gia sản bị tịch thu. Vì cha Bà có chân trong Phong Trào Cần Vương.

Khi đó, có người tên Hinh, làm thông ngôn ở tòa Khâm sứ Trung Kỳ, nói với Bà, nếu Bà chịu làm vợ ông, thì ông sẽ xin tha cho cha Bà...

Bà Lê Thị Đàm đồng ý. Nhưng, một thời gian ngắn, ông Hinh phải đi về Sài Gòn, Lê Thị Đàm vì cha già, em dại... không đi theo. Gần nhà Bà có ông Võ Bá Hạp, bạn thân cụ Phan Bội Châu, qua lời giới thiệu của ông Hạp, Lê Thị Đàm được cụ Phan kết nạp vào Duy Tân Hội, và được phân công làm liên lạc.

Từ năm 1904 – 1909, trải qua biết bao hiểm nguy, gian khổ trên tuyến đường hoạt động Trung - Bắc, mọi việc của Duy Tân Hội, như chuyển tài liệu, tiền bạc; hoặc là đưa rước người trong Phong Trào Đông Du đều nhờ vào tay Bà.

Năm 1909, giặc Pháp ra sức đàn áp Phong Trào, nhiều người bị tù đày, bị chém hoặc phải tự sát. Ông Đặng Thái Thân, một đồng đội thân thiết của Bà ở Nghệ An vừa mới tuần tiết, khiến bà Lê Thị Đàm vô cùng đau xót và căm phẫn bọn giặc.

Căm gan, không dẫn lòng được, bà Lê Thị Đàm ngang nhiên chửi rủa bọn giặc. Bà bị chúng bắt giam vào tháng 3 năm 1910. Tên Thượng thư Bộ Hình triều Nguyễn, đòi vua Duy Tân, tay sai đắc lực của giặc Pháp là Trương Như Cương, được giao việc xét hỏi. Hãn dụ dỗ, cực hình tra tấn... Bà vẫn kiên quyết không khai báo chi cả...

Biết rằng không thể thoát và không thể sống được nữa, Bà

giả vờ chịu cung khai, nếu được tên Cương cho nghỉ ngơi một ngày.

Tin lời Bà, tên Cương chấp thuận. Ngay đêm hôm ấy, Bà đã cắn ngón tay lấy máu viết lên tường nhà lao ba bài Tuyệt Mệnh Thi chữ Nho. Sau đó Bà dùng dải (dây) thắt lưng băng lụa trắng treo cổ. Bà tử tiết tại nhà lao Quảng Trị, vào ngày 16 tháng 3 Âm Lịch năm Canh Tuất, tức ngày 25 tháng 4 năm 1910. Phần mộ Bà bị thất lạc...!!

Do tính khí can trường, kiên trung, bất khuất trước giặc, cụ Phan Bội Châu lấy gương Bà Triệu Thị Trinh trong lịch sử Việt Nam đặt cho Lê Thị Đàm là Ấu Triệu, với ý nghĩa Bà Triệu Nhỏ.

## 2 - Mộ phần Bà Ấu Triệu.

Mãi 98 năm... sau khi tử tiết, năm 2008 người nhà mới có được hài cốt anh thư Ấu Triệu Lê Thị Đàm. Hài cốt Bà đã đưa về an táng nơi Nghĩa Trang mang tên Phan Bội Châu. Nghĩa Trang này, do chính Cụ Phan thành lập từ trước tại Huế, để làm nơi an táng các chí sĩ.

## 3 - Tuyệt Mệnh Thi của Ấu Triệu:

Dưới đây là Tuyệt Mệnh Thi của Ấu Triệu Lê Thị Đàm viết bằng máu trên tường nhà lao Quảng Trị. Bài do ông Đặng Thái Mai dịch. Rất tiếc chưa tìm được nguyên bản chữ Nho.

## **Thơ Tuyệt Mệnh**

*I. Lạnh lùng cảnh ngục lúc quyền sinh  
Biển rộng đông không mình biết mình.  
Chết với nước non em tốt số,  
Chạnh lòng tử hủ lũ trâm anh!*

*II. Suối vàng gạt lệ gập bà Trưng  
Máu thấm hồn quyền khóc thảm thương.  
Lạy Phật thân này còn hóa kiếp,  
Tay xin nghìn cánh, cánh nghìn thương.*

*III. Huyết lệ dầu khan, giận chửa sờn  
Chiều hôm tê tái nước sông Hương  
Đảng ta khi quét xong quân giặc,*

*Trước nắm mồ em đốt bó nhang...*

**Đặng Thái Mai dịch**

4 - Thơ & Câu Đối của Cụ Phan:

- Thơ Đề bia Âu Triệu

*Lọ là các cậu, lọ là ông,  
Ai bảo rằng thư chẳng phải hùng.  
Miệng có chào lòng quên sấm sét,  
Gan đành bỏ mạng tiếc non sông.*

*Dây lưng một dải bền hơn sắt,  
Nét máu nghìn thu đậm với hồng.  
Ai biết hỏi chẳng thời chớ hỏi,  
Hỏi hòn đá nọ biết hay không?*

**Phan Bội Châu**

- Câu Đối ca tụng gương lẫm liệt Âu Triệu của cụ Phan:

*Tấm thân trót gả giang san Việt,  
Tấc dạ soi chung nhật nguyệt trời!!  
Tơ nhân sợi nghĩa dây lưng trắng,  
Dạ sắt lòng son nét máu hồng!!*

**Phân Kết:**

Âu Triệu Lê Thị Đàm, một nữ nhi anh kiệt tuyệt vời. Ngoài đời, Bà đã tận tâm, tận lực hoàn thành mọi công việc được phó thác do Duy Tân Hội. Khi sa cơ, chốn lao ngục, Bà đã thiết thạch tấc lòng không khai báo một lời. Và dũng cảm tuân tiết...!!

Nhờ thế, tổ chức của Bà, những người liên hệ với Bà được an toàn vô sự.

Hậu sinh kính cẩn xưng tụng Bà qua câu đối:

*“Ngoài thế đời tận tụy công cuộc, lòng sắt son tính toan... sống vì nước!!*

*Trong lao ngục trung trinh vụ việc, dạ thiết thạch lẫm liệt... chết vì nòi!!“*



Trong bài “Quá Linh Đinh Dương” của Văn Thiên Tường, câu kết:

*“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử  
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh”*

(Xưa nay ai sống mà không chết  
Để tấm lòng son rạng sử xanh)

Vâng, Bà Âu Triệu đã “Để tấm lòng son rạng sử xanh”. Bà tự chọn cho mình chỗ nằm long trọng tôn nghiêm, chỗ nằm trong lòng dân tộc, chỗ nằm được tắm bởi hoa phong lan hương thơm diu dặt.

Hương thơm trường cửu mãi thiên thu...

- chứa chan trong tâm khảm đồng bào,
- tan toả như sương lam trên những dãy núi,
- luân lưu theo mạch nước dòng sông... của nòi giống Việt Nam... và rơi truyền khí thiêng Lạc Hồng bất khuất...

Đôi dòng bi cảm:

*“Ngậm ngùi... nữ kiệt tinh anh  
Nửa đêm cắn máu... trời xanh thảm sầu...!!”*

Khách xứ giữa khuya, hậu sinh kính bút.

*(Thu về trên lá, GA, 2019)*

**Nguồn gốc:**

- Trang Web: Âu Triệu, Văn Thiên Tường...
- TNĐT - Danh Nhân Từ Điển, GS Trịnh Vân Thanh”

